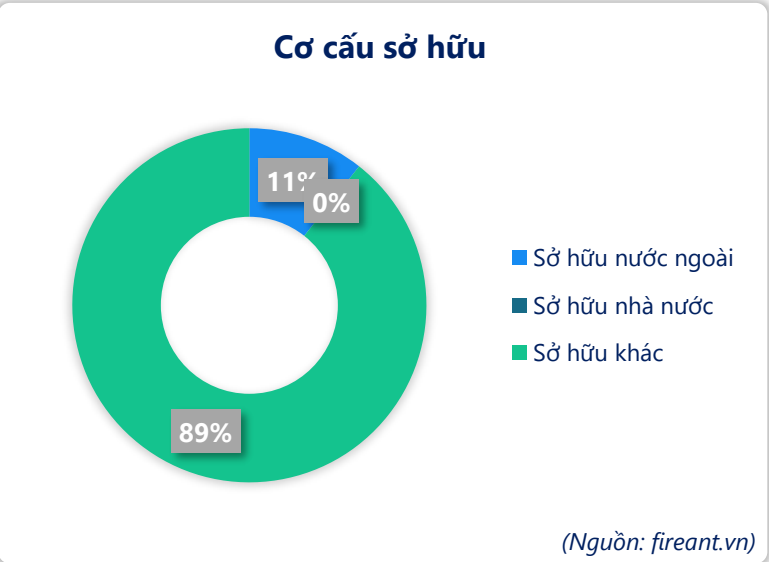
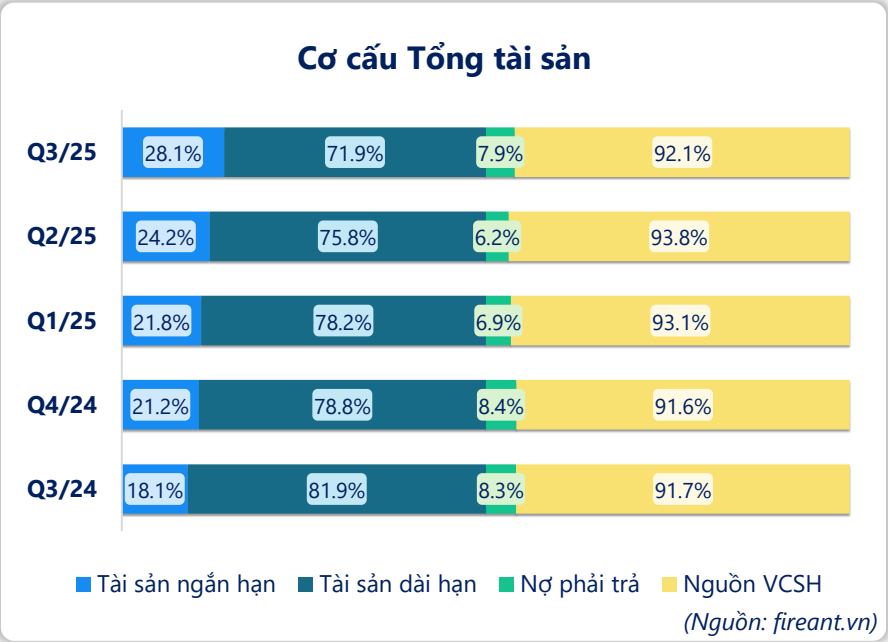
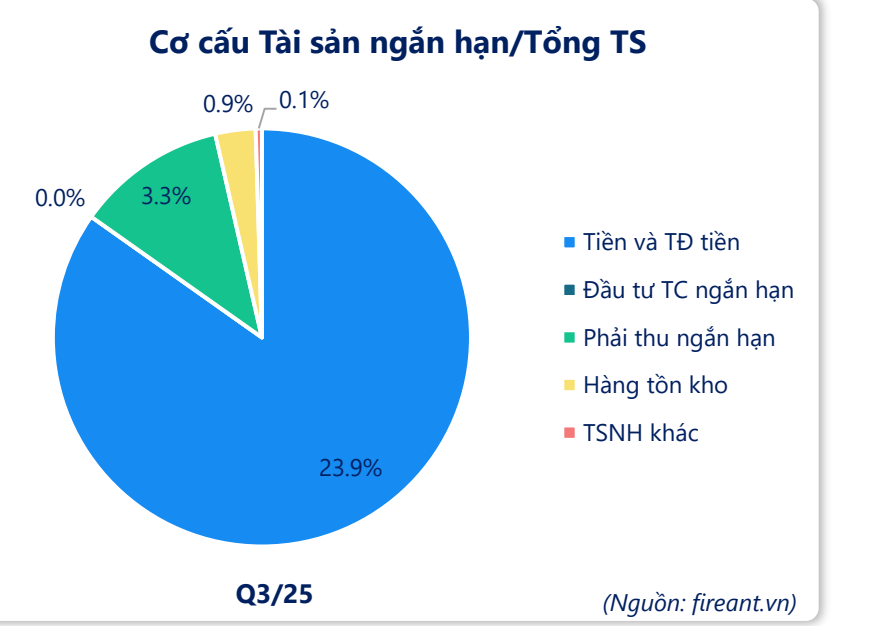
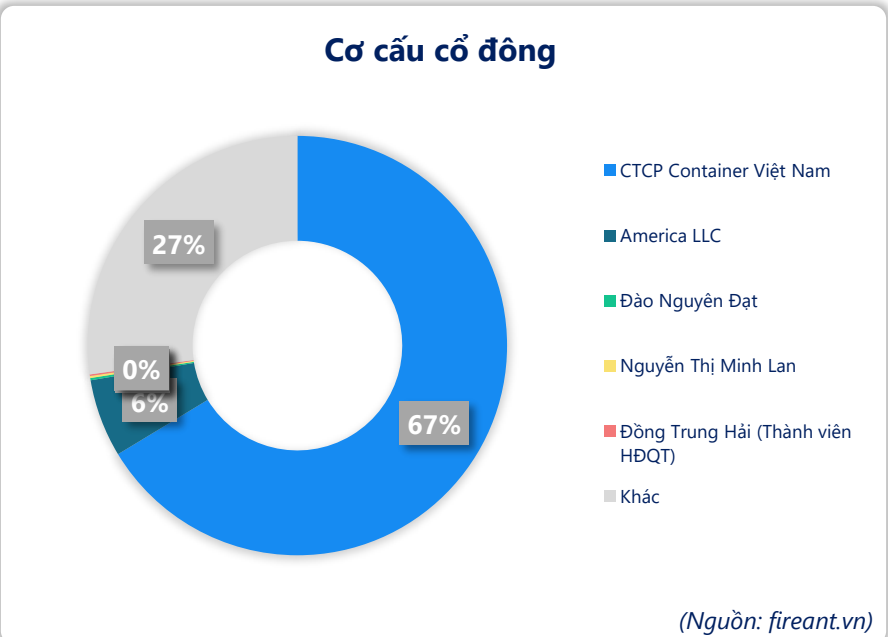
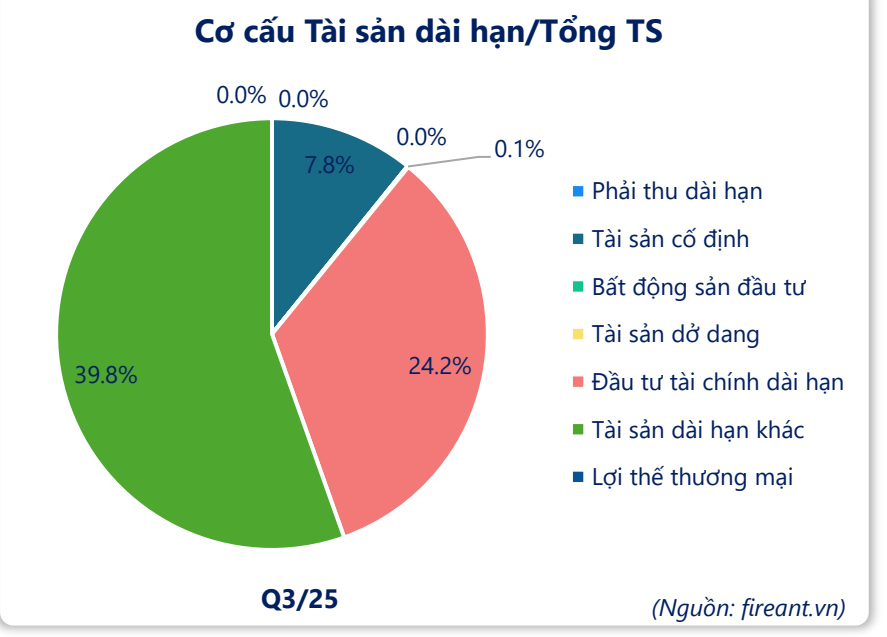
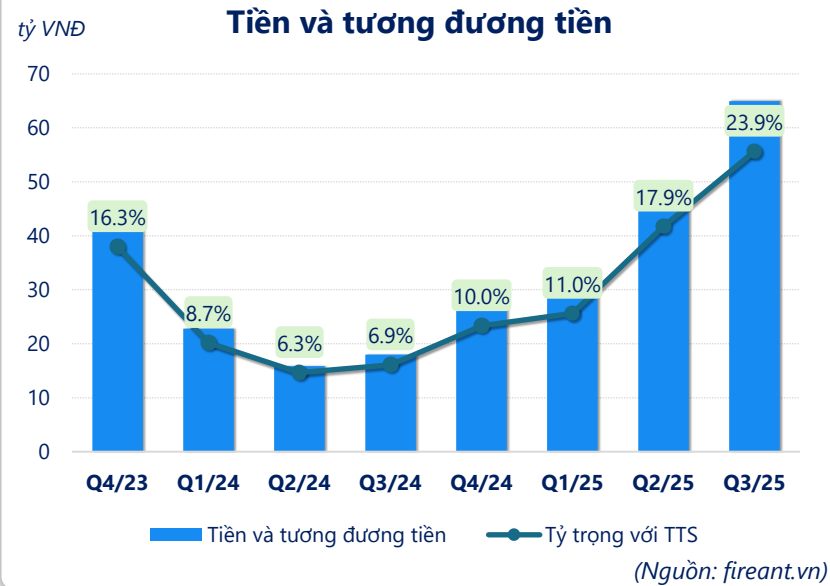
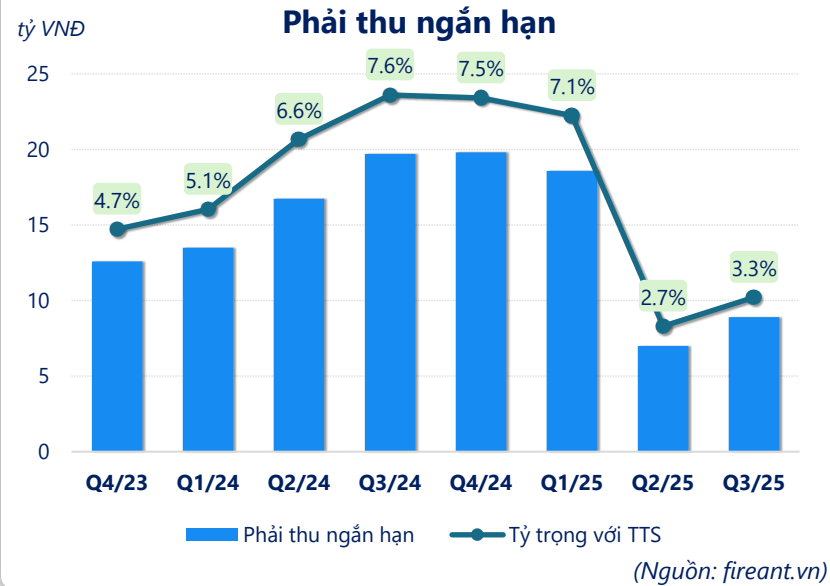
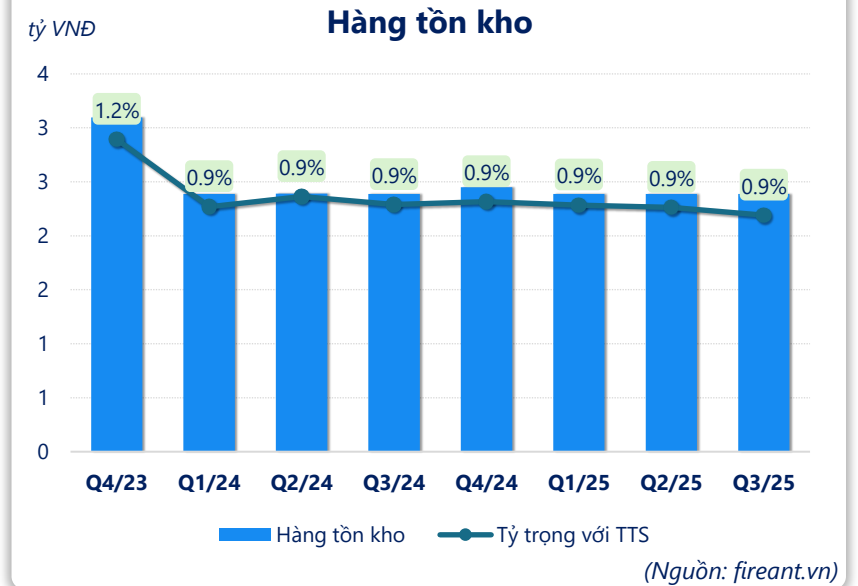
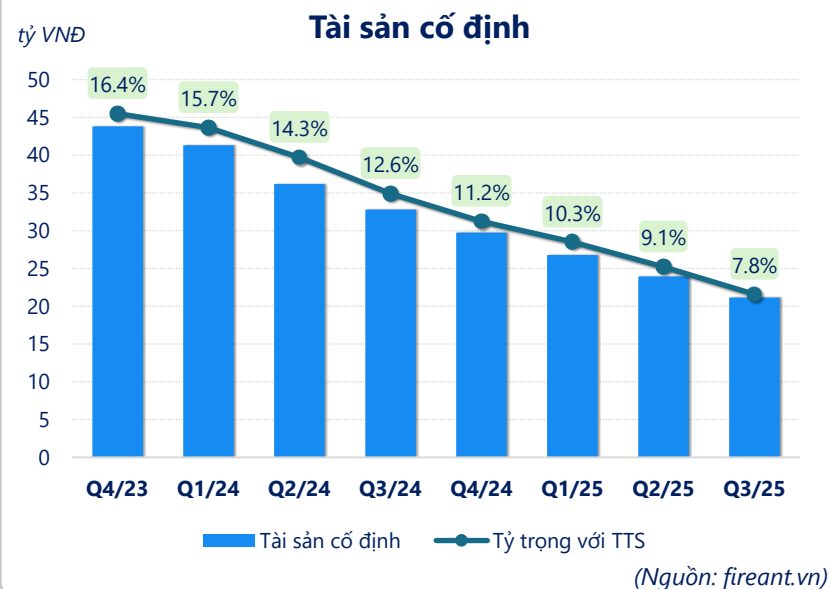
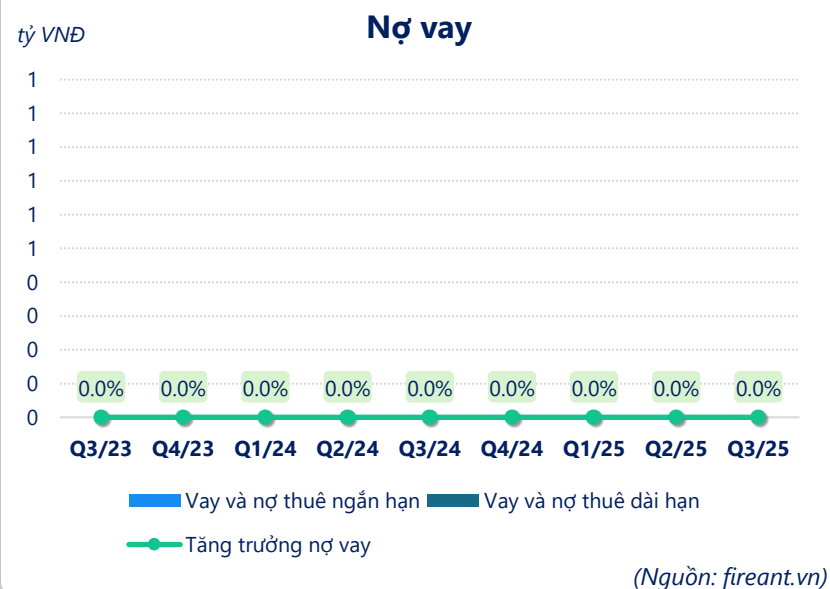
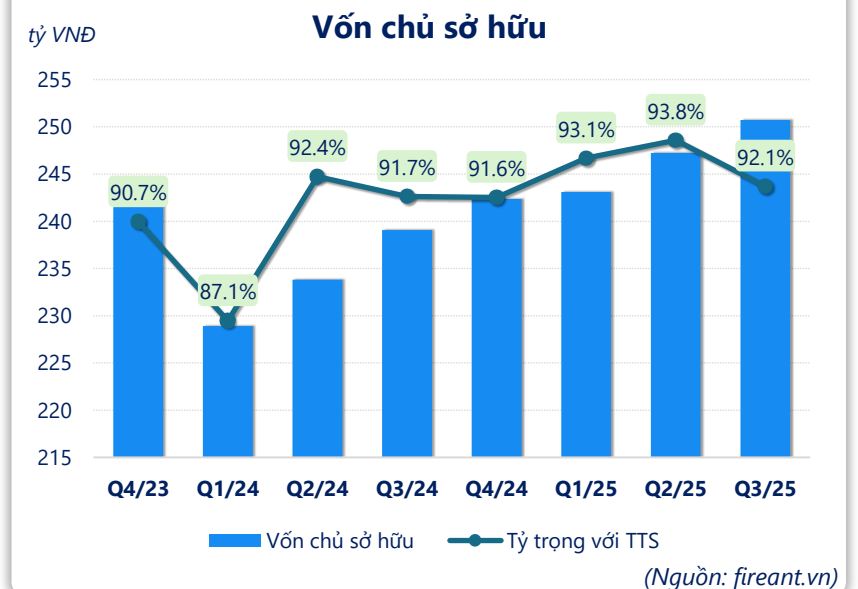
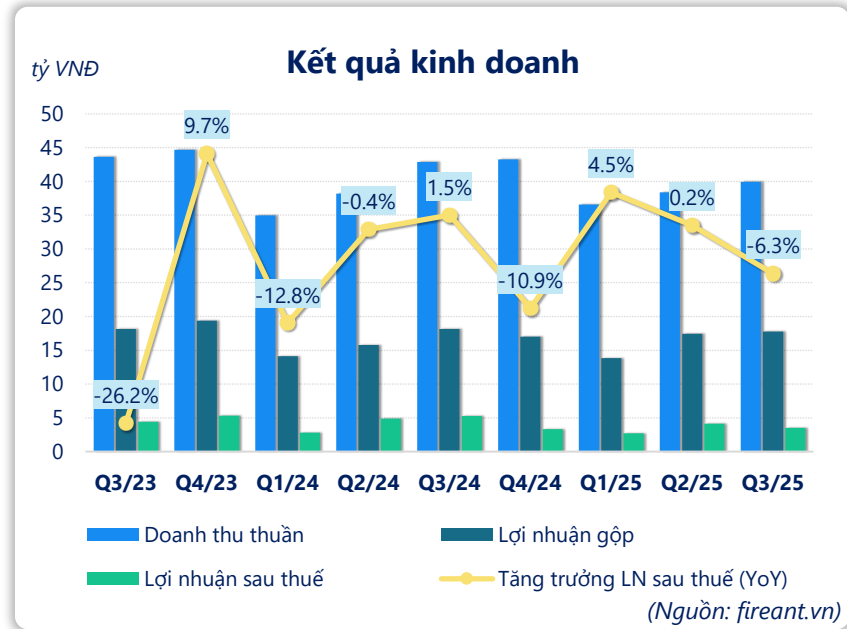
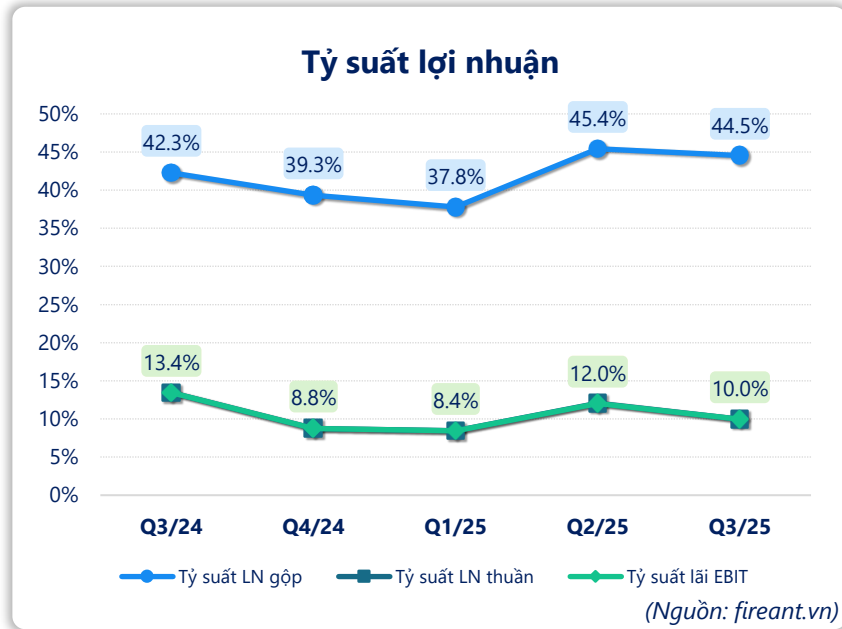
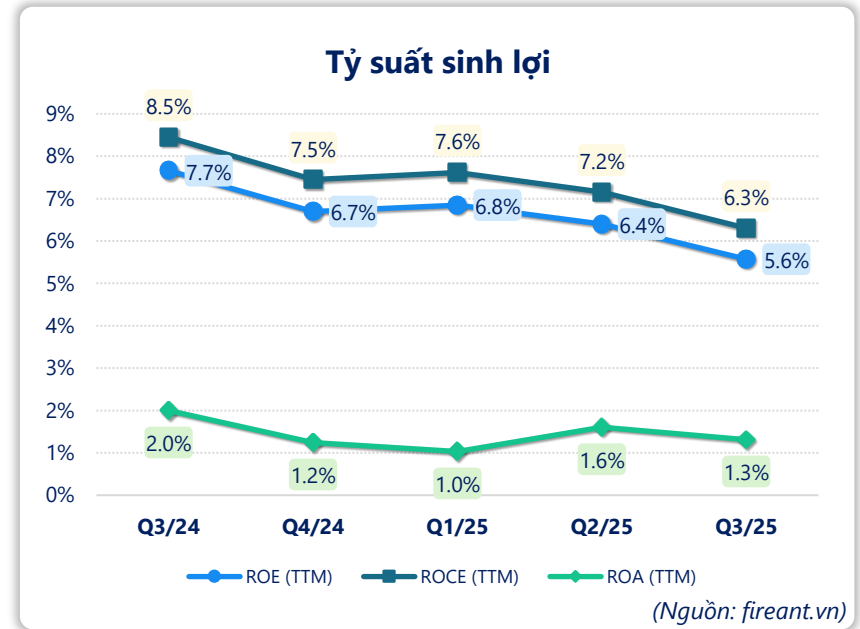
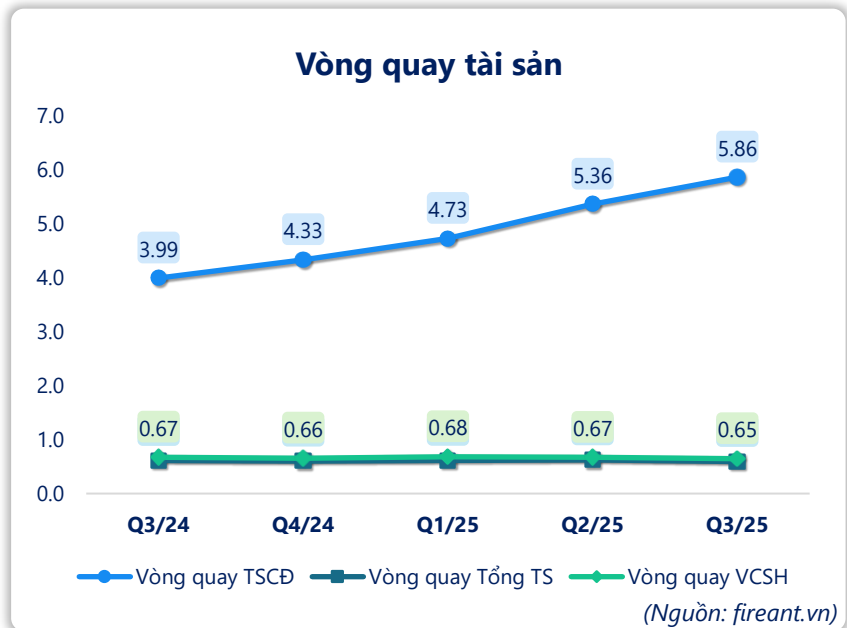
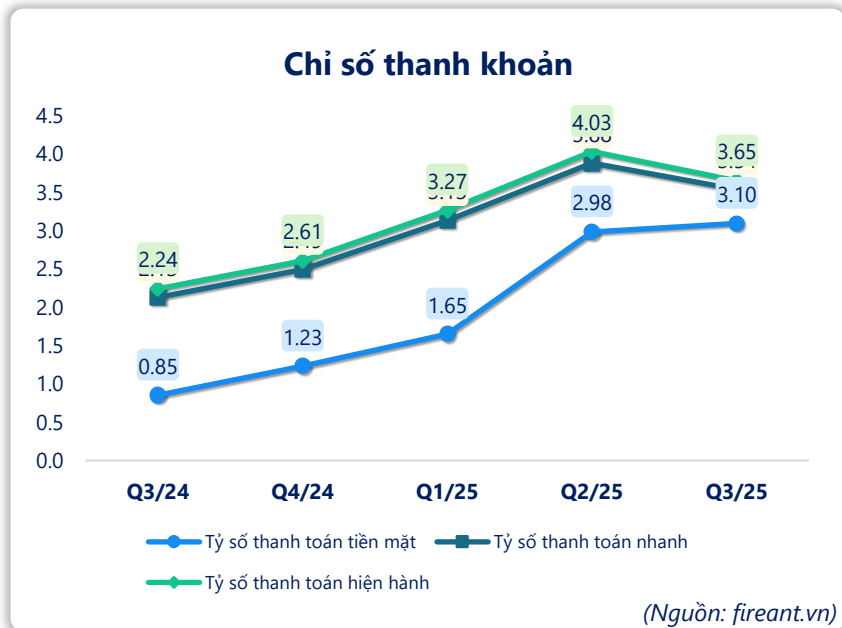
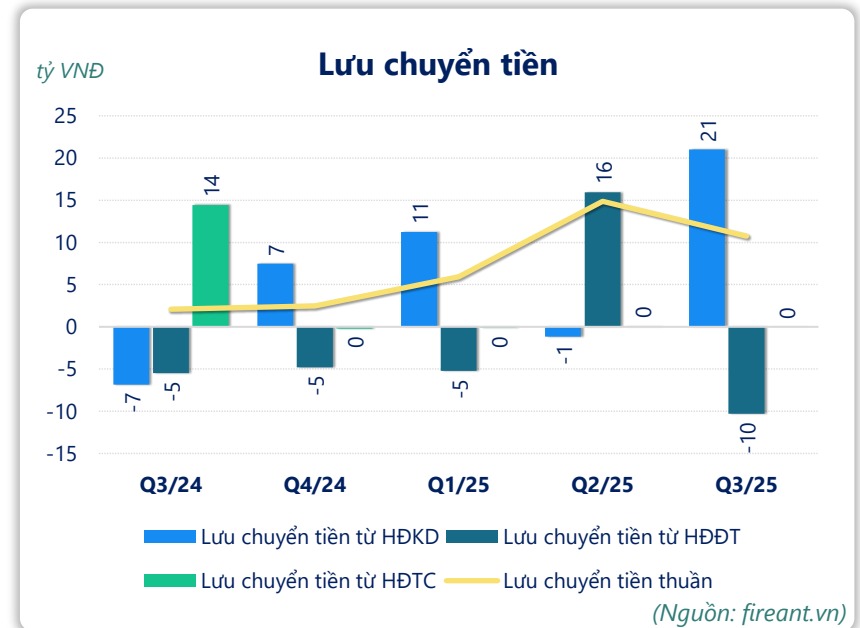


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,100
SL cổ phiếu LH		12,120,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,680
% sở hữu nước ngoài		10.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		190
P/E		13.9
EPS		1,126

	YTD	1T	3T	6T
GIC	0.6%	-8.7%	5.4%	-1.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	272	263	3.7%
Tài sản ngắn hạn	76.6	54.1	41.7%
Tiền và tương đương tiền	65.0	33.4	94.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	8.90	17.9	-50.3%
Hàng tồn kho	2.39	2.45	-2.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.29	26.3%
Tài sản dài hạn	196	208	-6.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	21.2	29.7	-28.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.15	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	65.9	67.6	-2.4%
Tài sản dài hạn khác	109	111	-2.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	21.6	20.2	7.2%
Nợ ngắn hạn	21.0	19.5	7.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.42	3.36	1.6%
Nợ dài hạn	0.65	0.65	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	251	242	3.5%
Vốn chủ sở hữu	251	242	3.5%
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	42.9	43.3	36.6	38.4	40.0
Giá vốn hàng bán	24.8	26.2	22.8	20.9	22.2
Lợi nhuận gộp	18.1	17.0	13.8	17.4	17.8
Doanh thu HĐTC	0.32	0.34	0.31	0.38	0.45
Chi phí TC	0.14	1.12	0.33	0.70	0.62
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	10.6	11.0	9.00	11.1	12.0
Chi phí QLDN	1.96	1.40	1.71	1.43	1.65
LN thuần từ HĐKD	5.77	3.79	3.09	4.62	3.99
Lợi nhuận khác	0	0	0.00	-0.01	0
LN trước thuế	5.77	3.79	3.09	4.61	3.99
Lợi nhuận sau thuế	5.25	3.30	2.70	4.14	3.50
LNST của CĐ cty mẹ	5.25	3.30	2.70	4.14	3.50

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.84	7.47	11.2	-1.16	21.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.50	-4.79	-5.21	15.9	-10.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	14.4	-0.20	-0.10	0.09	0.01
Tiền đầu kỳ	15.9	18.0	22.8	28.7	54.2
Lưu chuyển tiền thuần	2.09	2.48	5.91	14.9	10.7
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	18.0	20.4	28.7	54.2	65.0

(Nguồn: fireant.vn)